

Bản án số: 10/2018/HC-ST

Ngày: 12/7/2018

V/v: “Khiếu kiện quyết định hành chính
về việc thu hồi và hủy bỏ quyết định giải
quyết đơn tranh chấp quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Bà Phan Thị Ngọc Phú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Ngọc Dương

2. Ông Phạm Văn Phước

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 2,
Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2, tham gia phiên tòa: Bà Đỗ
Thị Vân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 7 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 2,
Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2016/TLST-
HC ngày 11 tháng 4 năm 2016 về “Khiếu kiện quyết định hành chính về việc thu
hồi và hủy bỏ quyết định giải quyết đơn tranh chấp quyền sử dụng đất” theo
Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2018/QĐXXST-HC ngày 20 tháng 6 năm
2018, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1956

Địa chỉ: 167/30 Đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị H1,
sinh năm 1959 (Giấy ủy quyền ngày 28/8/2017, số chứng thực 7873, quyền số 08-
SCT/CK, ĐC của Văn phòng Công chứng Bình Thạnh)

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân Quận H

Địa chỉ: 168 đường C, Khu phố M, phường B, Quận H, Thành phố Hồ
Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Phước B – Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Vũ Hoài P và bà Nguyễn Ngọc H.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1 Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H: Ông Vũ Hoài P và bà Nguyễn Ngọc H (Giấy ủy quyền số 3155/UBND-TNMT ngày 02/8/2017)

3.2. Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1980

3.3. Bà Nguyễn Thanh T, sinh năm 1987

Cùng địa chỉ: 167/30 Đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.4. Ông Dương Văn T, sinh năm 1965.

Địa chỉ: K76 đường M, Khu A tái định cư N, phường A, Quận H.

Các đương sự vắng mặt và có đơn xin vắng mặt ; người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người bị kiện có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện 04/4/2016, bản tự khai, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện bà Nguyễn Thị H có bà Nguyễn Thị H1 là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà Nguyễn Thị H là chủ sử dụng phần đất thuộc thửa 68, 69, 71, 1 phần thửa số 67, 70, 72, rạch, tờ bản đồ số 32 (bản đồ đo năm 2002), theo Tài liệu 299/TTg thuộc 1 phần thửa 81, 82, 116, rạch tờ bản đồ thứ 1, xã An Khánh, huyện Thủ Đức. Toàn bộ phần đất do bà H sử dụng nằm trong quy hoạch khu đô thị mới Thủ Thiêm, theo bản vẽ phục vụ công tác bồi thường giải phóng mặt bằng khu đô thị mới Thủ Thiêm, do Công ty Đo đạc địa chính công trình Bộ Tài nguyên và Môi trường lập ngày 29/8/2009 được Ủy ban nhân dân phường An Khánh kiểm tra nội nghiệp bản vẽ đạt yêu cầu thì phần đất này có diện tích 2.974,88m².

Về nguồn gốc đất: một phần diện tích 2.976m² do bà H nhận chuyển nhượng theo hợp đồng số 771/CN ngày 21/12/2001 của ông Dương Văn V. Ngày 23/4/2002 bà H được Ủy ban nhân dân Quận H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích trên, mục đích sử dụng: lúa.

Phần đất còn lại có diện tích 245,23m² do bà H nhận chuyển nhượng bằng giấy tay của ông V ngày 08/6/2003, đất do ông V tạo lập trước 1975, đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thực tế bao gồm 02 gò nền nhà với diện tích

78m² và 167m² thuộc thửa 68,69,71, tờ bản đồ số 32, phường An Khánh, Quận 2. Phần diện tích này từ năm 1992 con ông V là ông Dương Văn T cất nhà ở thể hiện trên bản đồ hiện trạng vị trí số 09-116 ĐĐBĐ/2001 do công ty đo đạc và dịch vụ tư vấn Địa Địa lập ngày 06/9/2001, được phòng Quản lý Đô thị kiểm tra nội nghiệp xác nhận ngày 30/10/2001 – thể hiện 02 phần đất này có nhà. Như vậy, diện tích 245,23m² này là đất ở không phải là đất nông nghiệp.

- Ngày 05/7/2010 Ủy ban nhân dân Quận H ban hành quyết định số 8964/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư đối với hộ bà Nguyễn Thị H toàn bộ diện tích đất 2.974,88m² với tổng số tiền 444.884.000 đồng; Về tái định cư: được mua căn hộ chung cư theo giá tái định cư với diện tích tiêu chuẩn 125,830m²

Không đồng ý với việc Ủy ban nhân dân Quận H xác định phần diện tích 245,23m² là đất nông nghiệp chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (san lấp trước ngày 20/12/2001), bà H khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H.

- Ngày 24/11/2011, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số 15136/QĐ-UBND-TTr, bác đơn khiếu nại của bà H.

- Ngày 24/11/2011, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số 15136/QĐ-UBND-TTr, bác đơn khiếu nại của bà H.

Hiện nay, bà Nguyễn Thị H đang khởi kiện Ủy ban nhân dân Quận 2 và chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2 về việc: Khiếu kiện quyết định hành chính về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư ; quyết định giải quyết khiếu nại liên quan đến diện tích 245,23m² chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do ông Dương Văn T (con ông Dương Văn V) có đơn tranh chấp quyền sử dụng đất với bà Nguyễn Thị H, nên ngày 14/7/2011, Ủy ban nhân dân Quận H ban hành Quyết định số 8950/QĐ-UBND về giải quyết đơn tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Dương Văn T và bà Nguyễn Thị H, nội dung: *“Không công nhận toàn bộ đơn ông Dương Văn T tranh chấp quyền sử dụng đất diện tích 342 m² (thực tế có diện tích 245.23m²) thuộc một phần thửa 68, thửa 69 và một phần thửa 71, tờ bản đồ số 32, phường An Khánh, quận 2 (theo tài liệu 2002) do không có cơ sở xem xét giải quyết.*

Công nhận bà Nguyễn Thị H được quyền sử dụng diện tích 245.23m² thuộc một phần thửa 68, thửa 69 và một phần thửa 71, tờ bản đồ số 32, phường An Khánh, quận 2 (theo tài liệu 2002) và nhận bồi thường hỗ trợ phần đất nói trên theo quy định”.

Ngày 15/01/2016, Ủy ban nhân dân Quận H ban hành quyết định số 105/QĐ-UBND-TNMT về việc thu hồi và hủy bỏ Quyết định số 8950/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H.

Bà Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 2 hủy quyết định số 105/QĐ-UBND-TNMT ngày 15/01/2016 bởi vì Ủy ban nhân dân Quận 2 hủy bỏ quyết định 8950/QĐ-UBND thì không xác định được ai là người sử dụng đất hợp pháp đối với phần đất có diện tích 245,23m² chưa được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện nay, bà Nguyễn Thị H và ông Dương Văn T không tranh chấp

quyền sử dụng diện tích 245,23m² thuộc một phần thửa 68, thửa 69 và một phần thửa 71, tờ bản đồ số 32, phường An Khánh, quận 2 (theo tài liệu 2002). Bà H là người đứng tên hồ sơ để nhận bồi thường hỗ trợ phân đất nói trên.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân Quận H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có ý kiến thể hiện tại công văn số 3763/UBND-BBT ngày 19/8/2016 như sau:

Phần đất tranh chấp giữa ông Dương Văn T với bà Nguyễn Thị H có tổng diện tích 342m² (diện tích thực tế là 245,23m²) gồm 2 gò đất riêng biệt có diện tích 78m² và 167m² thuộc một phần các thửa đất số 68, 69, 71, tờ bản đồ số 32 (bản đồ địa chính năm 2002), phường An Khánh, Quận 2.

Hai gò đất nêu trên có nguồn gốc của ông Dương Văn V (là cha của ông Dương Văn T) tạo lập trước năm 1975. Năm 1991, ông V cho con là ông Dương Văn T 02 gò đất trên (không có giấy tờ chứng minh). Năm 1992, ông T dựng nhà lá để ở với diện tích 78m². Năm 2001, ông T cho em là ông Dương Tấn Tr diện tích khoảng 167m² dùng làm nhà ở nhưng không lập giấy tờ.

Ngày 26/3/1998, ông T thực hiện tách hộ khẩu với ông V tại địa chỉ số 14/3 ấp 4, phường An Khánh, quận 2. Năm 1999, ông T có kê khai nhà ở, đất ở theo Quyết định số 3376/QĐ-UB-QLĐT ngày 11/6/1999 của Ủy ban nhân dân Thành phố với diện tích đất là 342m², diện tích xây dựng 97m² (phần kê khai bổ sung diện tích xây dựng chỉ có 48m²). Ông T đăng ký thuế nhà, đất tại số 14/3 ấp 4, phường An Khánh, quận 2 với diện tích 36m² (mã số thuế 229) vào năm 1996; 48m² vào năm 1998 (mã số thuế 02031403) và đóng thuế đến năm 2008.

Ngày 21/12/2001, ông Dương Văn V lập Hợp đồng số 771/CN chuyển nhượng quyền sử dụng phần đất diện tích 2.976m² thuộc một phần thửa đất số 2139, tờ bản đồ số 01, phường An Khánh, Quận 2 (phần đất này thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 123875 do Ủy ban nhân dân Quận H cấp cho ông V ngày 08/11/2001) cho bà Nguyễn Thị H, có xác nhận của Ủy ban nhân dân Quận H ngày 01/4/2002. Theo đó ngày 23/4/2002, bà H được Ủy ban nhân dân Quận H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00232 QSDĐ/ với phần diện tích đất nhận chuyển nhượng nêu trên. Riêng đối với phần diện tích đất gò không thể hiện trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 08/11/2001 của ông V. Ngày 08/6/2003, Dương Văn V và bà Nguyễn Thị H lập giấy tay cam kết chuyển nhượng quyền sử dụng đất gò xen lẫn đất nông nghiệp có diện tích 245m² (là phần đất gò do ông Dương Văn T và ông Dương Tấn Trang đang sử dụng nêu trên và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Trong đó, có nội dung: *“...các con tôi đều nhất trí chuyển nhượng 02 cái gò (đất thổ cư) đã cùng ký tên trong cam kết chuyển nhượng ngày 02/8/2001 tại gia đình...Nay tôi giao tiếp 245m² đất gò cho bà H để miếng đất của bà được trọn vẹn 32m² chiều ngang, dọc thẳng theo hết thế đất”*. Sau khi lập giấy tay cam kết với ông Dương Văn V, gia đình ông V đã giao đất và bà H đã xây dựng nhà trọ trên phần diện tích đất gò từ năm 2003.

Năm 2010, ông Dương Văn T gửi đơn tranh chấp quyền sử dụng phần đất thổ cư diện tích 342m² (đo đạc thực tế có diện tích 245,23m²) thuộc một phần các

thửa đất số 68, 69 và 71, tờ bản đồ số 32, phường An Khánh, quận 2 với bà Nguyễn Thị H. Vụ việc được Ủy ban nhân dân phường An Khánh hòa giải nhưng kết quả không thành. Ngày 24/6/2010, Ủy ban nhân dân phường An Khánh có Thông báo số 10/TB-UBND thông báo kết quả hòa giải tranh chấp quyền sử dụng đất không thành giữa ông Dương Văn T với bà Nguyễn Thị H.

Ngày 28/6/2010, ông Dương Văn T tiếp tục gửi đơn đến Ủy ban nhân dân Quận H tranh chấp quyền sử dụng phần đất nêu trên với bà Nguyễn Thị H. Xác định việc tranh chấp giữa ông Dương Văn T với bà Nguyễn Thị H xuất phát từ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Căn cứ theo quy định tại Khoản 3, Điều 25 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2004 (sửa đổi, bổ sung năm 2011) thì thẩm quyền giải quyết tranh chấp về hợp đồng dân sự là của Tòa án nhân dân các cấp. Do đó ngày 21/7/2010, Ủy ban nhân dân Quận H có Thông báo số 1784/TB-UBND-TNMT về việc không thụ lý giải quyết đơn tranh chấp quyền sử dụng đất và hướng dẫn ông T nộp đơn tại Tòa án nhân dân Quận 2.

Tại biên bản làm việc ngày 09/7/2010 giữa phòng Tài nguyên và Môi trường quận với ông Dương Văn T có ghi nhận ý kiến như sau: “*Năm 2003, bà H cho rằng phần đất thổ cư 342m² nằm trong diện tích gia đình tôi đã chuyển nhượng cho bà H nên yêu cầu tôi và em tôi là ông Dương Tấn Trang phải tháo dỡ nhà và giao đất lại cho bà H vì bà H viện cớ nếu không giao đất thì phải bồi thường gấp 05 lần số tiền mua bán theo hợp đồng đặt cọc. Do không am hiểu pháp luật nên gia đình tôi đã giao đất cho bà H. Hiện nay, bà H đang sử dụng phần đất này để xây nhà trọ (từ ngày 11/6/2003)*”. Đồng thời, xác định ông T chỉ đồng ý việc ông V chuyển nhượng đất nông nghiệp cho bà H theo Hợp đồng chuyển nhượng số 771/CN ngày 21/12/2001 với diện tích 2.976m² và không bao gồm diện tích đất gò mà ông V đã cho ông T sử dụng từ năm 1991.

Ngày 14/7/2011, Ủy ban nhân dân Quận H có Quyết định số 8950/QĐ-UBND về giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Dương Văn T với bà Nguyễn Thị H với nội dung:

“- *Không công nhận toàn bộ nội dung đơn của ông Dương Văn T tranh chấp quyền sử dụng phần đất diện tích 342m² (thực tế có diện tích 245,23m²) thuộc một phần các thửa đất số 68, 69 và 71, tờ bản đồ số 32 (theo Bản đồ địa chính năm 2002), phường An Khánh, quận 2 do không có cơ sở xem xét, giải quyết.*

- *Công nhận bà Nguyễn Thị H được quyền sử dụng phần đất diện tích 342m² (thực tế có diện tích 245,23m²) thuộc một phần các thửa đất số 68, 69 và 71, tờ bản đồ số 32 (theo Bản đồ địa chính năm 2002), phường An Khánh, quận 2 và nhận bồi thường, hỗ trợ phần đất nêu trên theo quy định”.*

Ông Dương Văn T không đồng ý với nội dung quyết định nêu trên và gửi đơn khiếu nại tại Sở Tài nguyên và Môi trường. Ngày 23/12/2014, Sở Tài nguyên và Môi trường có Báo cáo số 9415/BC-TNMT-TTS báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố giải quyết vụ việc. Ngày 31/3/2015, Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố có Công văn số 2821/VP-PCNC truyền đạt ý kiến chỉ đạo của Phó Chủ

tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Nguyễn Hữu Tín, giao Sở Tư pháp thẩm định nội dung đề xuất của Sở Tài nguyên và Môi trường tại báo cáo nêu trên.

Ngày 25/4/2015, Sở Tư pháp có Công văn số 2061/STP-VB với nội dung: *“Bản chất vụ việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Dương Văn T với bà Nguyễn Thị H là tranh chấp đối với giấy cam kết chuyển nhượng phần diện tích đất gò xen lẫn đất nông nghiệp ký kết ngày 08/6/2003 giữa ông Dương Văn V và bà Nguyễn Thị H. Tại khoản 3 Điều 25 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2004 (sửa đổi, bổ sung năm 2011) xác định thẩm quyền giải quyết tranh chấp về hợp đồng dân sự là thuộc thẩm quyền của Tòa án.*

Ngoài ra, Điểm b.3, Khoản 2.3 Mục 2 Phần II Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết các vụ án dân sự, hôn nhân, gia đình có nội dung hướng dẫn liên quan đến việc Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được xác lập từ sau ngày 15/10/1993 như sau: Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vi phạm điều kiện được hướng dẫn tại điểm a.4 và điểm a.6 tiểu mục 2.3 mục 2 này, nếu sau khi thực hiện hợp đồng chuyển nhượng, bên nhận chuyển nhượng đã trồng cây lâu năm, đã làm nhà kiên cố...và bên chuyển nhượng không phản đối và cũng không bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính theo các quy định của Nhà nước về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, thì Tòa án công nhận hợp đồng. Nếu bên nhận chuyển nhượng chỉ làm nhà trên một phần đất, thì Tòa án công nhận phần hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng phân đất có nhà ở và hủy phần hợp đồng đối với diện tích đất còn lại, buộc bên nhận chuyển nhượng giao trả phần đất đó cho bên chuyển nhượng, trừ trường hợp việc giao trả không bảo đảm mục đích sử dụng cho cả hai bên giao kết hợp đồng, đồng thời buộc các bên thanh toán cho nhau phần chênh lệch”.

Ngày 24/11/2015, Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố có Công văn số 11462/VP-PCNC truyền đạt ý kiến chỉ đạo của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Nguyễn Hữu Tín với nội dung:

“Đồng ý đề xuất của Sở Tư pháp tại Công văn số 2061/STP-VB ngày 25/4/2015 và Báo cáo số 9415/BC-TNMT-TTS ngày 23/12/2014 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Giao Ủy ban nhân dân Quận H khẩn trương thực hiện ý kiến của Sở Tư pháp, Sở Tài nguyên và Môi trường và hướng dẫn các bên tranh chấp khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận 2 để được xem xét, giải quyết theo thẩm quyền”.

Thực hiện nội dung chỉ đạo tại Công văn số 11462/VP-PCNC ngày 24/11/2015 của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, ngày 15/01/2016, Ủy ban nhân dân Quận H ban hành Quyết định số 105/QĐ-UBND-TNMT về việc thu hồi và hủy bỏ Quyết định số 8950/QĐ-UBND ngày 14/7/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H.

Việc ủy ban nhân dân Quận 2 ban hành Quyết định số 105/QĐ-UBND-TNMT về việc thu hồi và hủy bỏ Quyết định số 8950/QĐ-UBND ngày 14/7/2011

của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H là thực hiện theo nội dung chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố và đúng quy định pháp luật. Ngày 15/01/2016, Ủy ban nhân dân Quận H có Công văn 142/UBND-TMNT trả lời đơn và hướng dẫn ông Dương Văn T và bà Nguyễn Thị H nếu có tranh chấp thì nộp đơn tại Tòa án nhân dân Quận 2 để được giải quyết theo thẩm quyền (do việc tranh chấp quyền sử dụng đất phát sinh từ hợp đồng mua bán).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H có người đại diện theo ủy quyền là ông Vũ Hoài Phương và bà Nguyễn Ngọc Hà vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại bản tự khai ngày 15/8/2017 có ý kiến như sau: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H thống nhất với ý kiến của Ủy ban nhân dân Quận H. Ngoài ra, không có ý kiến hay yêu cầu nào khác. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh P, bà Nguyễn Thanh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại bản tự khai ngày 27/9/2017 có ý kiến như sau: Ông Nguyễn Thanh P và bà Nguyễn Thanh T là con của ông Nguyễn Đình T1 và bà Nguyễn Thị H. Ông T1 đã mất ngày 01/9/2017. Ông P, bà T thống nhất với ý kiến và yêu cầu của bà H. Ngoài ra không có ý kiến hay yêu cầu nào khác. Ông P, bà T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn T vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại bản tự khai ngày 23/4/2018 có ý kiến như sau : Ông Dương Văn T không có liên quan đến tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị H và Ủy ban nhân dân Quận H liên quan đến quyết định số 105/QĐ-UBND-TNMT ngày 15/01/2016 của Ủy ban nhân dân Quận H. Ông Dương Văn T có yêu cầu vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự vắng mặt nên không trình bày ý kiến tranh luận.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý và đưa vụ án ra xét xử, Tòa án nhân dân Quận 2 đã chấp hành đúng Luật tố tụng hành chính tuy nhiên cần đảm bảo về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 117 Luật tố tụng hành chính năm 2010;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của đương sự thì vụ án có quan hệ tranh chấp “Khiếu kiện quyết định hành chính về việc thu hồi và hủy bỏ quyết định giải quyết đơn tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Bà Nguyễn Thị H yêu cầu hủy Quyết định số 105/QĐ-UBND-TNMT ngày 15/01/2016 của Ủy ban nhân dân Quận H.

Trong vụ án này, đối tượng tranh chấp là quyết định hành chính của Ủy ban nhân dân Quận H, nên căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 29 Luật tố tụng hành chính năm 2010, Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 02/2011/NQ-HĐTP ngày 29/7/2011 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận 2.

Ông Nguyễn Đình T1 là chồng bà Nguyễn Thị H. Ông T1 chết ngày 01/9/2017, do đó các con của bà H và ông T1 là ông Nguyễn Thanh P và bà Nguyễn Thanh T tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- *Về sự vắng mặt của đương sự:* Người khởi kiện bà Nguyễn Thị H có bà Nguyễn Thị H 1 là người đại diện theo ủy quyền có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt; ông Nguyễn Phước H là người đại diện theo pháp luật của người bị kiện có đơn đề nghị Tòa án tiến hành tố tụng vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H có ông Vũ Hoài P và bà Nguyễn Ngọc H là người đại diện theo ủy quyền có yêu cầu vắng mặt khi xét xử; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh P, bà Nguyễn Thanh T, ông Dương Văn T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt là hợp lệ theo quy định tại Khoản 1 Điều 158 Luật tố tụng hành chính năm 2015. Hội đồng xét xử chấp nhận và xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người bị kiện Ủy ban nhân dân Quận H là ông Vũ Hoài P và bà Nguyễn Ngọc H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt là hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Luật tố tụng hành chính năm 2015. Hội đồng xét xử chấp nhận và xét xử vắng mặt.

- *Về thời hiệu khởi kiện:* Ngày 15/01/2016, Ủy ban nhân dân Quận H ban hành Quyết định số 105/QĐ-UBND-TNMT về việc thu hồi và hủy bỏ quyết định giải quyết đơn tranh chấp quyền sử dụng đất. Ngày 04/4/2016, bà H gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân Quận 2 là còn trong thời hiệu khởi kiện 01 năm theo Điểm a Khoản 2 Điều 104 Luật tố tụng hành chính năm 2010.

[2] Về căn cứ pháp lý và thẩm quyền ban hành quyết định hành chính:

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Bộ luật Tố tụng dân sự ngày 15 tháng 6 năm 2004 (sửa đổi, bổ sung năm 2011);

Căn cứ Công văn số 1142/VPPCNC ngày 24 tháng 11 năm 201 của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố;

Các văn bản trên chính là căn cứ pháp lý để Ủy ban nhân dân Quận H ban hành Quyết định hành chính số 105/QĐ-UBND-TNMT ngày 15/01/2016 theo thẩm quyền.

Về thẩm quyền ban hành quyết định:

Căn cứ khoản 5 Điều 28 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015 về nhiệm vụ quyền hạn của Ủy ban nhân dân: “Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn do cơ quan nhà nước cấp trên phân cấp, ủy quyền”. Như vậy, Ủy ban nhân dân Quận H ban hành Quyết định hủy bỏ quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H về giải quyết đơn tranh chấp quyền sử dụng đất là đúng thẩm quyền.

[3] Về nội dung giải quyết yêu cầu của đương sự:

Tại phiên tòa cũng như trong quá trình giải quyết vụ án người khởi kiện bà Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 2 hủy quyết định số 105/QĐ-UBND-TNMT ngày 15/01/2016 vì Ủy ban nhân dân Quận H hủy bỏ quyết định số 8950/QĐ-UBND ngày 14/7/2011 không xác định được ai là người có quyền sử dụng đất hợp pháp đối với diện tích 245,23m² do bà H nhận chuyển nhượng bằng giấy tay của ông V ngày 08/6/2003

Hội đồng xét xử xét thấy:

Phần đất tranh chấp giữa ông Dương Văn T với bà Nguyễn Thị H có tổng diện tích 342m² (diện tích thực tế là 245,23m²) gồm 2 gò đất riêng biệt có diện tích 78m² và 167m² thuộc một phần các thửa đất số 68, 69, 71, tờ bản đồ số 32 (bản đồ địa chính năm 2002), phường An Khánh, Quận 2. Diện tích này nằm trong tổng diện tích 2.974,88m² do bà Nguyễn Thị H sử dụng, thuộc quy hoạch Khu đô thị mới Thủ Thiêm nên ngày 05/7/2010 Ủy ban nhân dân Quận H ban hành quyết định số 8964/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư đối với hộ bà Nguyễn Thị H.

Theo tài liệu Tòa án thu thập tại phòng Tài nguyên và Môi trường Ủy ban nhân dân Quận H, “Đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất ở” ngày 25/02/2011 của ông Dương Văn T gửi Ủy ban nhân dân Quận H có nội dung: “Để có cơ sở nhận bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi bị thu hồi đất, tôi tha thiết kính mong Ủy ban nhân dân Quận H xem xét giải quyết dứt điểm việc tranh chấp giữa tôi và bà Nguyễn Thị H đối với diện tích đất 342,1m² tại địa chỉ 14/3A Tổ 4, Ấp 4, phường An Khánh, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh”.

Xét, tại thời điểm ông Dương Văn T nộp đơn tranh chấp với bà Nguyễn Thị H (ngày 25/02/2011), theo quy định tại Khoản 1 Điều 136 Luật đất đai năm 2003 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) về thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai : Tranh

chấp đất đai đã được hoà giải tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn mà một bên hoặc các bên đương sự không nhất trí thì được giải quyết như sau:

1. *Tranh chấp về quyền sử dụng đất mà đương sự có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc có một trong các loại giấy tờ quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 50 của Luật này và tranh chấp về tài sản gắn liền với đất thì do Tòa án nhân dân giải quyết;*

Xét, diện tích đất trên nằm toàn bộ trong phạm vi thu hồi giải tỏa thực hiện Khu đô thị mới Thủ Thiêm và Ủy ban nhân dân Quận H đã ban hành Quyết định về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại, tái định cư cho bà H (quyết định số 8964/QĐ-UBND ngày 05/7/2010). Bà Nguyễn Thị H là người đứng tên hồ sơ bồi thường, hỗ trợ thiệt hại.

Theo quy định của Luật đất đai 2003 và hiện nay là Luật đất đai năm 2013, việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư do cơ quan hành chính Nhà nước thực hiện nên nếu ông T, bà H có yêu cầu thì có thể khởi kiện vụ án liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư theo quy định của pháp luật.

Mặt khác, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2 cũng thống nhất với ý kiến của Ủy ban nhân dân Quận 2 về việc hủy bỏ Quyết định số 8950/QĐ-UBND ngày 14/7/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận H.

Từ những nhận định trên, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H có bà Nguyễn Thị Hồng là người đại diện theo ủy quyền về việc hủy Quyết định hành chính số 105/QĐ-UBND-TNMT ngày 15/01/2016 của Ủy ban nhân dân Quận H.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 là phù hợp quy định của pháp luật.

Do yêu cầu của bà Nguyễn Thị H không được chấp nhận nên bà H phải chịu án phí. Tuy nhiên, bà H là người cao tuổi. Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, người khởi kiện được miễn tiền án phí.

Từ những nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 29, Điểm a Khoản 2 Điều 104, Điều 117 Luật Tố tụng Hành chính năm 2010;

- Áp dụng Điều 146, Điều 157, 158, Khoản 1 Điều 206 Luật Tố tụng Hành chính năm 2015;

- Áp dụng Luật Đất đai năm 2013;

- Áp dụng Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu hủy Quyết định số 105/QĐ-UBND-TNMT ngày 15/01/2016 của Ủy ban nhân dân Quận H.

2. Về án phí: Các đương sự không phải chịu án phí. Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu án phí, lệ phí Tòa án số AC/2012/04339 ngày 11/4/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2.

3. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Đối với đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo là 15 ngày được tính từ ngày nhận được tổng đạt hoặc ngày niêm yết bản sao bản án tại Ủy ban nhân dân phường.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 2;
- Chi cục Thi hành án DS Quận 2;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Ngọc Phú

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Ngọc Phú